

MBB - Mức tăng trưởng tín dụng mạnh và sự phục hồi của NIM hỗ trợ lợi nhuận tăng cao hơn kỳ vọng - Báo cáo KQKD

Doanh Nghiệp • 30/07/2026

Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB) đã công bố KQKD hợp nhất nửa đầu năm 2026 (6T 2026) với tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 37,9 nghìn tỷ đồng (+16% YoY) và LNTT đạt 20,2 nghìn tỷ đồng (+27% YoY), lần lượt hoàn thành 44% và 49% dự báo cả năm của chúng tôi. LNTT quý 2 đạt 10,6 nghìn tỷ đồng (+41% YoY; +10% QoQ). Kết quả lợi nhuận nhìn chung đã vượt dự báo của chúng tôi, chủ yếu nhờ sự phục hồi của NIM, cùng với mức chi phí tín dụng và tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) thấp hơn dự kiến, qua đó lấn át kết quả kém tích cực của thu nhập ngoài lãi. Chúng tôi tiếp tục có quan điểm tích cực về triển vọng năm 2026 của MBB, nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh, NIM phục hồi và khả năng kiểm soát chi phí tốt.

- **Tăng trưởng tín dụng đạt 13,2%, cao hơn đáng kể so với mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 8,5%.** Tại ngân hàng mẹ, tăng trưởng tín dụng chủ yếu đến từ hoạt động cho vay BĐS (+39% trong 6T; chiếm 14,3% tổng dư nợ) và cho vay phục vụ nhu cầu hộ gia đình (+18% trong 6T; chiếm 22% tổng dư nợ), bên cạnh việc cho vay phục vụ nhu cầu của các ngành sản xuất, chế biến và thương mại đa dạng. Dư nợ cho vay kỳ quỹ của MBS đạt 16,8 nghìn tỷ đồng (+12% trong 6T, tương đương 1,4% tổng dư nợ hợp nhất).
- **Tiền gửi khách hàng chỉ tăng 4,6%, nhưng giấy tờ có giá tăng 24,7%, qua đó hỗ trợ đáng kể khả năng huy động vốn của ngân hàng.** Tỷ lệ CASA phục hồi nhẹ QoQ lên mức 34,6% (+1,5 điểm % QoQ; -3,3 điểm % YoY), cao thứ hai toàn ngành, chỉ sau TCB. Tỷ lệ CASA cao dự kiến sẽ phần nào giảm bớt áp lực tăng chi phí vốn từ việc tích cực huy động giấy tờ có giá có chi phí cao hơn.
- **NIM quý 2 phục hồi QoQ** lên mức 4,15% (+35 điểm cơ bản QoQ; +1 điểm cơ bản YoY), do lợi suất tài sản sinh lãi cải thiện lên mức đủ để lấn át chi phí vốn gia tăng. NIM 6T đạt 3,91%, cao hơn đáng kể so với dự báo năm 2026 của chúng tôi là 3,76%. Tuy nhiên, để duy trì NIM ở mức của quý 2, MBB sẽ cần tiếp tục điều chỉnh tăng lợi suất tài sản trong bối cảnh chi phí vốn vẫn chịu áp lực. Điều này sẽ trở nên thách thức hơn nếu ngân hàng đặt mục tiêu sử dụng hết hạn mức tín dụng ưu tiên được cấp trong năm nay.
- **Thu nhập ngoài lãi thấp hơn tiến độ dự báo của chúng tôi.** Thu nhập phí thuần 6T tăng 11,5% YoY, nhờ thu nhập phí từ dịch vụ thanh toán, bảo hiểm và chứng khoán cải thiện. Tuy nhiên, mức tăng này bị lấn át bởi: (1) thu nhập từ kinh doanh ngoại hối giảm 90% YoY xuống còn 106 tỷ đồng; (2) lãi thuần từ chứng khoán đầu tư giảm từ 1,3 nghìn tỷ đồng trong 6T 2025 xuống chỉ còn 4 tỷ đồng; và (3) thu nhập từ việc thu hồi các khoản nợ đã xử lý rủi ro giảm 22% YoY xuống còn 1,57 nghìn tỷ đồng. Riêng trong quý 2, thu nhập phí thuần đã giảm 5,7% YoY, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối giảm 74% YoY và thu nhập từ chứng khoán đầu tư giảm 57% YoY.

- **Hiệu quả hoạt động tiếp tục duy trì tích cực.** CIR trong 6T 2026 giảm xuống mức 26,3% (-1,0 điểm % YoY). Mặc dù chúng tôi dự kiến chi phí HĐKD có thể sẽ được ghi nhận nhiều hơn trong nửa cuối năm (nhờ yếu tố mùa vụ), nhưng mức CIR hiện tại vẫn thấp hơn đáng kể so với dự báo cả năm của chúng tôi là 29,5%.
- **Các chỉ tiêu chất lượng tài sản nhìn chung vẫn ổn định, trong khi bộ đệm dự phòng cải thiện.** Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất tăng nhẹ lên 1,45% (+3 điểm cơ bản QoQ; -15 điểm cơ bản YoY), trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 cải thiện xuống còn 0,98% tổng dư nợ cho vay (-8 điểm cơ bản QoQ; -32 điểm cơ bản YoY). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) đạt 93,6% (+1,4 điểm % QoQ; +4,7 điểm % YoY).

KQKD hợp nhất 6T 2026 của MBB

Tỷ đồng	6T 2025	6T 2026	YoY	Q2 2025	Q2 2026	YoY
Thu nhập lãi ròng (NII)	24.064	31.807	32,2%	12.372	16.894	36,5%
Thu nhập ngoài lãi	8.504	6.058	-28,8%	4.874	3.541	-27,3%
Thu nhập từ HĐKD (TOI)	32.568	37.865	16,3%	17.246	20.434	18,5%
Chi phí HĐKD (OPEX)	(8.906)	(9.974)	12,0%	(4.956)	(5.627)	13,5%
LN từ HĐKD trước dự phòng	23.662	27.890	17,9%	12.289	14.807	20,5%
Chi phí dự phòng	(7.773)	(7.702)	-0,9%	(4.786)	(4.247)	-11,3%
LNTT	15.889	20.188	27,1%	7.503	10.560	40,7%
LNST sau lợi ích CĐTS	12.445	15.745	26,5%	5.878	8.229	40,0%
Tăng trưởng cho vay **	13,3%	13,2%	-0,1 điểm %	10,3%	9,5%	-0,8 điểm %
Tăng trưởng tiền gửi **	9,7%	4,6%	-5,1 điểm %	8,4%	6,4%	-2,0 điểm %

NIM	4,08%	3,91%	-17 điểm cb	4,14%	4,15%	1 điểm cb
Lợi suất tài sản	6,81%	7,74%	93 điểm cb	7,06%	8,36%	129 điểm cb
Chi phí huy động	3,21%	4,36%	115 điểm cb	3,37%	4,79%	141 điểm cb
Tỷ lệ CASA *	37,9%	34,6%	-3,3 điểm %	37,9%	34,6%	-3,3 điểm %
Tỷ lệ CASA cộng tiền gửi kỳ hạn bằng ngoại tệ	38,9%	35,7%	-3,2 điểm %	38,9%	35,7%	-3,2 điểm %
Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR)	27,3%	26,3%	-1,0 điểm %	28,7%	27,5%	-1,2 điểm %
Nợ xấu/Tổng dư nợ	1,60%	1,45%	-15 điểm cb	1,60%	1,45%	-15 điểm cb
Nợ Nhóm 2/Tổng dư nợ	1,30%	0,98%	-32 điểm cb	1,30%	0,98%	-32 điểm cb
Lãi dự thu/tài sản sinh lãi	0,97%	0,99%	2 điểm cb	0,97%	0,99%	2 điểm cb

Nguồn: MBB, Vietcap – *CASA bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi ký quỹ; **Tăng trưởng cho vay và tiền gửi trong quý 2/2025 và quý 2/2026 là mức tăng QoQ; tăng trưởng cho vay và tiền gửi trong 6T 2025 và 6T 2026 là mức tăng trong nửa đầu năm.